



jiàn zhèng kē

鉴证科

noun · forensic department

Example Sentences

jiàn zhèng kē zhèng zài fēn xī zhèng jù
鉴证科正在分析证据。

The forensic department is analyzing the evidence.

jiàn zhèng kē de bào gào bāng zhù jīng fāng pò le àn
鉴证科的报告帮助警方破了案。

The forensic department's report helped the police solve the case.

Trace each character, then write the word on your own.

鉴	鉴	鉴	鉴	鉴	鉴	鉴	鉴	鉴	鉴	鉴
证	证	证	证	证						
科	科	科	科	科	科	科	科	科	科	科
科										